

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HSST

Ngày 10-8-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 06 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị Q, sinh năm: 1989; Nơi sinh: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Công nhân; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Bố đẻ: Trần Văn Q, sinh năm 1961, Mẹ đẻ: Trần Thị M, sinh năm: 1963; chỗ ở hiện nay: Xóm 2, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; gia đình có 05 anh chị em, Q là con thứ 3; Chồng: Nguyễn Thành C, sinh năm 1986; Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/3/2022 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Hoàng Thị Ngọc P, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm T, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Q là công nhân của Công ty TNHH giày A thuộc khu công nghiệp, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Khoảng 11 giờ 45 phút 08/01/2022 sau khi hết giờ làm việc buổi sáng, chị Hoàng Thị Ngọc P (là bạn làm cùng công ty và ngồi làm ngay bên cạnh Q) có đưa cho Q một thẻ ngân hàng Vietcombank và cung cấp mật khẩu là “123123” để nhờ Q rút hộ số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), Q đồng ý. Sau đó, Q đi ra cây ATM của ngân hàng Vietcombank ở cạnh cổng Công ty TNHH giày A để rút tiền. Đến đầu giờ chiều cùng ngày, Q đến công ty đi làm, đưa lại thẻ ngân hàng và số tiền 500.000 đồng cho chị P.

Sau khi cầm tiền và thẻ ngân hàng, chị P cất vào trong chiếc túi dạng lưới cước màu trắng dùng đựng đồ dùng cá nhân rồi để ở dưới gầm ghế chỗ ngồi của mình và đến tối cùng ngày khi về nhà chị P kiểm tra thì phát hiện bị mất thẻ ngân hàng. Cơ quan điều tra đã triệu tập Q lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Q khai: Khoảng 06 giờ 50 phút ngày 10/01/2022, Q đến Công ty để làm việc thì phát hiện trên nền xưởng cạnh ghế chị P ngồi có một thẻ ngân hàng Vietcombank, trên bề mặt thẻ có in chữ nổi dòng chữ: “Hoàng Thị Ngọc P” biết đây là thẻ ngân hàng của chị P, Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong tài khoản ngân hàng của chị P. Quan sát thấy xung quanh không có ai Q cúi xuống nhặt chiếc thẻ ngân hàng rồi cất giấu vào trong túi áo khoác đang mặc.

Sau khi bị mất thẻ, chị P đến công ty có nói chuyện với Q: “Hôm qua chị để quên thẻ ATM ở ghế, hôm nay đến thì không thấy đâu nữa, không biết chị đánh rơi ở đâu nữa rồi” nhưng Q không nói gì. Đến trưa cùng ngày, Q thấy chị P đăng lên trang Facebook cá nhân với nội dung bị mất thẻ ngân hàng Vietcombank, ai nhặt được thì cho xin lại kèm theo số điện thoại 0973748629. Đến tối cùng ngày sau khi đi làm về Q đã sử dụng sim số thuê bao 0796054870 gọi vào số điện thoại của chị P nói là: “Đến ngày 15/01/2022 sẽ trả thẻ” rồi Q tắt máy. Biết vào ngày 14 hàng tháng công ty sẽ trả tiền lương nên ngày 14/01/2022, Q xin nghỉ và ở nhà đợi khi có thông báo trả tiền lương sẽ đi rút tiền và chiếm đoạt số tiền trong tài khoản ngân hàng của chị P. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Q nhận được tin nhắn trên máy điện thoại của mình với nội dung: “Công ty A chuyển tiền trả lương tháng 12/2021”, nghĩ trong tài khoản ngân hàng của chị P đã nhận được tiền lương của Công ty chuyển. Q cầm thẻ ngân hàng của chị P rồi một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Dream BKS: 60F2- 470.86 đến cây ATM của ngân hàng Vietcombank cạnh cổng Công ty để rút tiền. Q cho thẻ của chị P vào cây ATM, nhập mật khẩu đã biết từ trước thực hiện giao dịch rút 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và tiếp tục thực hiện giao dịch rút lần thứ hai số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) rồi cầm tiền và thẻ đi về. Trên đường về, Q nghĩ trong tài khoản của chị P vẫn còn tiền nên Q đi đến cây ATM của ngân hàng VPBank ở TDP Đình Cự, thị trấn Cổ Lễ, huyện

Trực Ninh kiểm tra và rút tiếp số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) thấy giao dịch thực hiện thành công và kiểm tra số tiền trong tài khoản thấy còn hơn 400.000 đồng nên Q tiếp tục thực hiện giao dịch rút thêm 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) rồi cầm tiền và thẻ đi về nhà. Đến tối cùng ngày, Q có nhắn tin, gọi điện nói chuyện với chị Trần Thị M, sinh năm 1995 ở xóm 1, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (là em gái của Q). Q có nói cho chị M biết về việc Q dùng thẻ ngân hàng của chị P rút tổng số tiền 6.900.000 đồng. Chị M có vận động Q trả lại tiền và đến xin lỗi chị P. Đến chiều tối ngày 15/01/2022, Q đến Công ty và rút chiếc thẻ ngân hàng ở gần ghế chỗ chị P ngồi, sau đó chị P đã nhặt lấy lại. Ngày 18/01/2022, chị Hoàng Thị Ngọc P đã làm đơn trình báo về việc chị bị rút trộm tiền qua thẻ ngân hàng trên.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, vỏ màu xanh, số imei 1: 358877982077793, số imei 2: 358877982077801 đã qua sử dụng của Trần Thị Q. Chiếc điện thoại này là Q tiện liên lạc cá nhân, không sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho Q sử dụng.

- Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Dream, sơn màu nâu, biển kiểm soát 60F2-470.86 Trần Thị Q đã mượn của anh Bùi Văn N sinh năm 1991, trú tại: TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (là hàng xóm, gần nhà Q) sử dụng làm P tiện để đi đến cây ATM rút trộm tiền trong tài khoản ngân hàng của chị P. Qua xác minh là tài sản của anh N, khi mượn xe anh N không biết việc Q mượn xe để đi rút trộm tiền. Sau đó, Q đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh N. Do vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý.

- Đối với 01 (một) sim số thuê bao 0796054870 Q sử dụng để liên lạc với chị Hoàng Thị Ngọc P. Qua xác minh, đây là sim thuê bao của Q đã dùng trước đó. Sau khi trả lại thẻ ngân hàng, Q đã vứt vào thùng rác ngoài đường gần nhà Q nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Sau khi rút trộm tiền từ thẻ ngân hàng của chị P, Q có nói cho chị Trần Thị M sinh năm 1995 ở xóm 1, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (là em gái của Q) biết. Sau khi nghe Q kể lại, chị M không trình báo với cơ quan chức năng nhưng chị M đã vận động Q trả lại tiền và đến xin lỗi chị P nên không có căn cứ xử lý đối với chị M.

* Trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 6.900.000 đồng Q rút trộm trong tài khoản ngân hàng của chị P, Q đã trả lại cho chị P. Ngoài ra, quá trình Q thực hiện các giao dịch đó có phát sinh phí giao dịch là 9.350 đồng (Chín nghìn ba trăm năm mươi đồng), chị P không yêu cầu Q phải bồi thường. Chị P có lời khai đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Q.

Tại cơ quan điều tra Trần Thị Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Cáo trạng số 43/KSĐT ngày 07 tháng 06 năm 2022, VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Trần Thị Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Thị Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”, căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt: Trần Thị Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Thị Q, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Trục Ninh, Điều tra viên, VKSND huyện Trục Ninh, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như; Biên bản ghi lời khai của người bị hại; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng; Biên bản thu giữ vật chứng; cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 14/01/2022, Trần Thị Q có hành vi lén lút, bí mật sử dụng thẻ ngân hàng của chị Hoàng Thị Ngọc P rút trộm tiền tại cây ATM của ngân hàng Vietcombank cạnh cổng Công ty TNHH giày A thuộc khu công nghiệp, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định 2 lần liên tiếp với số tiền là 6.000.000 đồng và rút trộm tại cây ATM của ngân hàng VPBank ở TDP Đình Cựu, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh 2 lần liên tiếp với số tiền là 900.000 đồng. Tổng số tiền Trần Thị

Q đã rút trộm từ thẻ ATM của chị P là 6.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa P. Bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử lý bằng biện pháp trách nhiệm hình sự mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện khắc phục hậu quả; Người bị hại có lời khai đề nghị cơ quan có thẩm quyền giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Về hình phạt không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm Dân sự: Bị cáo đã trả lại số tiền 6.900.000 đồng cho chị P. Quá trình thực hiện các giao dịch rút tiền có phát sinh phí giao dịch là 9.350 đồng chị P không yêu cầu Q phải bồi thường, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Trần Thị Q 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 10/8/2022).

Giao bị cáo Trần Thị Q cho UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Thị Q cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Thị Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày; Bị cáo Trần Thị Q có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh Nam Định;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu